

Bản án số: **121/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 08 - 4 - 2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khuru Bình Trí;
2. Ông Phan Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 414/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng V, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 33, ấp V1, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 33, ấp V1, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tất cả các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, ông V có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa; bà T vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Trần Hoàng V; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Hôn nhân của Ông Trần Hoàng V và bà Nguyễn Thị Mỹ T do tự tìm hiểu, quen biết, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, Sau khi sinh con thứ hai được khoảng 07 tháng (khoảng tháng 5 năm 2019) thì bà T bỏ đi để lại 02 con chung cho ông V nuôi. Theo ông V, trước khi bỏ đi, bà T có biểu hiện lén lút qua lại với người khác. Nhiều lần ông V đòi xem điện thoại khi bà T nhắn tin thì bà T không cho, từ đó dẫn đến mâu thuẫn tình cảm, cự cãi qua lại và bà T tự bỏ đi.

Trước hành động mẹ bỏ con khi còn nhỏ và có những biểu hiện không chung thủy trong tình cảm vợ chồng, nên ông V xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông V và bà T có với nhau 02 con chung tên: Trần Hoàng B, sinh ngày 14/5/2014 và Trần Ngọc Bảo V2, sinh ngày 14/10/2018. Các con chung hiện sống cùng ông V và ông V có nguyện vọng được nuôi dạy cả 02 con chung sau ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về chứng cứ: Ông Vụ giao nộp: Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 07/10/2014; bản sao các giấy khai sinh của cháu Trần Hoàng B và Trần Ngọc Bảo V2; bản sao Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trần Thanh H; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Hoàng V.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, mối quan hệ tình cảm được biết:

Theo xác nhận của Công an xã VT thì bà Nguyễn Thị Mỹ T vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại xã VT. Theo bà Lê Thị N (mẹ ruột bà T) thì bà T có biết việc ông V xin ly hôn. Bà N khi nhận các thông báo của Tòa đều có thông tin cho bà T. Qua trao đổi thì bà T xác định có mâu thuẫn với ông V, bà Nàng có khuyên nhưng bà T cương quyết không hàn gắn. Do bà T bận việc nên không có mặt theo thông báo của Tòa. Bà T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Trần Hoàng V có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được công bố tại phiên tòa, có căn cứ xác định, mâu thuẫn tình cảm giữa ông Trần Hoàng V và bà Nguyễn Thị Mỹ T đã đến mức trầm trọng, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung của ông V. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng bà T đều vắng mặt không lý do; ông V có yêu cầu không hòa giải, nên tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo đúng quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt không lý do. Như vậy bà T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng; ông V có yêu cầu không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hôn nhân giữa ông Trần Hoàng V và bà Nguyễn Thị Mỹ T là do tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trường cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyền 01/2014 ngày 07/10/2014. Bà T cư trú tại ấp V1, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông Trần Hoàng V và bà Nguyễn thị Mỹ T là tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trường cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2014. Hôn nhân giữa ông V và bà T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông V xác định có mâu thuẫn về tình cảm, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn chỉ từ lời khai ông V. Tuy nhiên, qua xác minh thì xác định được giữa ông V và bà T có mâu thuẫn về tình cảm, gia đình có hàn gắn nhưng cả hai đều cương quyết xin ly hôn. Bà T biết việc ông V xin ly hôn nhưng vẫn không có ý kiến và có trao đổi với bà N (mẹ bà T) là không đồng ý hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa ông V và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông V và bà T có với nhau 02 (hai) con chung, tên: Trần Hoàng B, sinh ngày 14/5/2014 và Trần Ngọc Bảo V2, sinh ngày 14/10/2018. Các con chung hiện sống cùng ông V và ông V có nguyện vọng được nuôi dạy cả 02 (hai) con chung sau ly hôn. Xét để đảm bảo tâm sinh lý, sự phát triển bình thường của các cháu và ông V cũng có đủ điều kiện nuôi con, nên giao 02 (hai) con chung cho ông V tiếp tục nuôi dạy là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Công nhận sự tự nguyện của ông V về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này bà T có chứng cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông V là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà T không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 273 của Bộ Tuật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Hoàng V,

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Hoàng V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ T .

2. *Về con chung*: Ông Trần Hoàng V được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung tên Trần Hoàng B, sinh ngày 14/5/2014 và Trần Ngọc Bảo V2, sinh ngày 14/10/2018 sau ly hôn. Công nhận sự tự nguyện của ông V về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Hoàng V cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở bà Nguyễn Thị Mỹ T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về chi phí tố tụng*: Ông Trần Hoàng V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông Trần Hoàng V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số TU/2016/0011648 ngày 03/12/2019.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án tuyên công khai có mặt ông Trần Hoàng V, thời hạn kháng cáo của ông V là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/3/2020); thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển 01/2014 ngày 07/10/2014 ngày 07/10/2014 do Ủy ban nhân dân xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Trần Hoàng V và bà Nguyễn Thị Mỹ T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã VT (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

